TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Bản án số: 100/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 6- 2019
V/v anh T xin ly hôn chị H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng
2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019. Về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Lại Văn T - Sinh năm 1964

Địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1972

Địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 24/12/2018 cũng như lời khai anh Lại Văn T trong qúa trình giải quyết trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H vào tháng 10/1988 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn anh và chị H chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên luôn bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Mâu thuẫn trầm

trọng nhất là vào năm 2015 và từ tháng 6/2015 đến nay anh và chị H đã sống ly thân nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn nên anh xin được ly hôn chị Nguyễn Thị H. Về con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị H có ba con chung là Lại Thị Th sinh ngày 16/6/1989Lại Thị Hsinh ngày 24/7/1991 và Lại Duy Tsinh ngày 01/02/1994. Nay các cháu đều đã trưởng thành tự lập được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung giữa anh và chị Nguyễn Thị H thì anh không yêu cầu giải quyết. Về án phí anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng chị H có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của anh Lại văn T về quá trình kết hôn và sống chung giữa chị và anh T. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015, nguyên nhân là do anh T sống không chung thủy với chị trong quan hệ vợ chồng. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh T không thay đổi nên quan hệ tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị thì chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên chị nhất chí thuận tình ly hôn anh Lại Văn T. Về con chung giữa chị và anh Lại Văn T có ba con chung là Lại Thị Thsinh ngày 16/6/1989Lại Thị H sinh ngày 24/7/1991 và Lại Duy T sinh ngày 01/02/1994. Nay các cháu đều đã trưởng thành sống tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Về tài sản chung giữa chị và anh Lại Văn T thì chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc bận chị không tham gia phiên tòa được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lại Văn T và chị Nguyễn Thị H đều cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N. Nay anh Lại Văn T xin ly hôn chị Nguyễn Thị H và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Lại Văn T và chị Nguyễn Thị H được tổ chức kết hôn vào tháng 10/1988 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh T và chị H chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm

2010 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau và chị H nghi ngờ anh T sống không chung thủy. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị H không được cải thiện. Từ tháng 6/2015 đến nay anh T và chị H sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay anh T xin ly hôn chị H và phía chị H cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Lại Văn T và chị Nguyễn Thị H có ba con chung là Lại Thị Th sinh ngày 16/6/1989Lại Thị H sinh ngày 24/7/1991 và Lại Duy T sinh ngày 01/02/1994. Nay các cháu đều đã trưởng thành tự lập được và anh T, chị H không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng các con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Anh Lại Văn T và chị Nguyễn Thị H đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm anh Lại Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lại Văn T và chị Nguyễn Thị H.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm anh Lại Văn T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Lại Văn T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0000657 ngày 01/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh Lại Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh T, vắng mặt chị H. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu hò sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN		**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Đào Văn Rạng	**Đàm Văn Kiều**	**Trần Xuân Dũng**